

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 6974/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại tập Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 6147/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND Thành phố để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2015 và xây dựng phương án tạm thời đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 01/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Xét Tờ trình số 307/TTrLS:NN-TC-XD-LĐTB&XH ngày 11/12/2015 của Liên ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh một số nội dung tại tập Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 6147/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND Thành phố để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2015 và xây dựng phương án tạm thời đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại tập Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 6147/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND Thành phố để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2015 và xây dựng phương án tạm thời đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2016. cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung một số căn cứ quy định áp dụng mới ban hành tại Mục I, Phần I, cụ thể:

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP;

- Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

- Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

- Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước và mức trần dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phạm vi bảo vệ đối với công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 77/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Làm rõ khái niệm công trình đầu mối, nhà làm việc tại Tiết 1.4, Điểm 1, Khoản B, Mục III, Phần I như sau: Định mức TT1.06.00 Định mức bảo vệ công trình đầu mối, nhà làm việc (Công trình đầu mối là văn phòng cụm, trạm bơm, hồ, cống, không bao gồm trụ sở công ty, xí nghiệp và trạm quản lý công trình trực thuộc công ty, không tính các trường hợp lắp máy dã chiến thời vụ; nằm hoàn toàn độc lập, tách biệt khuôn viên công trình đầu mối khác).

3. Thay đổi tên văn bản áp dụng tại Tiết 2.1.2, Điểm 2, Khoản B, Mục III, Phần I như sau: Việc xác định các khu vực đồng bằng, trung du, miền núi áp dụng quy định phân vùng theo quyết định ban hành bảng giá đất của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố.

4. Điều chỉnh thuyết minh tại các Tiết 2.1.8 và Tiết 2.2.1, Điểm 2, Khoản B, Mục III, Phần I: huyện Từ Liêm cũ thành 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm, trong đó hệ số xen kẽ không thay đổi so với Quyết định số 6147/QĐ-UBND.

5. Điều chỉnh định mức tiêu thụ điện năng như sau: Định mức tiêu thụ điện năng: lấy bằng lượng điện tiêu thụ cho tưới, tiêu bình quân trong 03 năm gần nhất (năm 2012, 2013, 2014).

6. Điều chỉnh định mức sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định như sau:

Định mức sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định bằng 28% chi phí hợp lý theo định mức, cụ thể bao gồm các chi phí gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương (không bao gồm lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của cán bộ gián tiếp tại văn phòng công ty).

- Các khoản phải nộp tính theo lương như bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; kinh phí công đoàn; bảo hiểm thất nghiệp; tiền ăn giữa ca của người lao động do doanh nghiệp trực tiếp trả lương (không bao gồm lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của cán bộ gián tiếp tại văn phòng công ty).

- Nguyên nhiên vật liệu, công cụ để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị dùng cho dịch vụ tưới, tiêu nước.

Trường hợp chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế đơn vị sử dụng nhỏ hơn nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên tính theo định mức đã sửa đổi thì đơn vị thực hiện trích đủ theo định mức;

Trường hợp chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế đơn vị sử dụng lớn hơn nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên tính theo định mức đã sửa đổi nhưng không vượt quá nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên tính theo Quyết định số 6147/QĐ-UBND thì được ngân sách cấp khi thanh quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi năm 2015.

7. Điều chỉnh định mức chi phí quản lý doanh nghiệp:

Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp tính bằng 12% các khoản chi phí từ mục (a) đến mục (f) sau :

a) Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương (không bao gồm lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của cán bộ gián tiếp tại văn phòng công ty).

b) Các khoản phải nộp tính theo lương như bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; kinh phí công đoàn; bảo hiểm thất nghiệp; tiền ăn giữa ca của người lao động do doanh nghiệp trực tiếp trả lương (không bao gồm lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương của cán bộ gián tiếp tại văn phòng công ty).

c) Nguyên nhiên vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị dùng cho dịch vụ tưới, tiêu nước;

d) Chi phí tiền điện bơm tưới; bơm tiêu;

e) Chi phí chi trả tạo nguồn (nếu có);

f) Kinh phí sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí cho bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp là mức chi tối đa phục vụ bộ máy quản lý điều hành của doanh nghiệp, được quy định cho một năm tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các nhóm chi phí:

- Nhóm I. Chi phí vật liệu quản lý:

- + Chi phí văn phòng phẩm.
- + Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng.
- + Chi phí vật tư văn phòng khác.
- Nhóm II. Chi phí dịch vụ mua ngoài:
 - + Chi phí điện năng phục vụ quản lý.
 - . Chi phí sử dụng điện năng của các phòng, ban, bộ phận.
 - . Chi phí sử dụng điện năng chung.
 - + Chi phí vệ sinh môi trường.
 - + Chi phí nước sinh hoạt.
 - + Chi phí thông tin liên lạc: Bao gồm chi phí sử dụng điện thoại cố định và di động phục vụ quản lý.
 - + Chi phí sách báo thư viện.
- Nhóm III. Chi phí bằng tiền khác:
 - + Chi công tác phí.
 - + Chi hội họp, khánh tiết, ngoại giao, tiếp khách.
 - + Chi phí mua tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế.
 - + Chi phí thuê tài sản.
 - + Khám sức khỏe, PCCN...
- Nhóm IV. Chi thuế, phí và lệ phí.
 - Nhóm V: Chi phí nhân viên quản lý bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn, ăn ca của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban.

8. Bổ sung cách xác định chi phí khấu hao tài sản cố định:

Chi phí khấu hao tài sản cố định sẽ được tính riêng (không tính trong đơn giá chi tiết) và được xác định cùng với quyết toán đặt hàng dịch vụ tưới, tiêu năm 2015. Hàng năm, các doanh nghiệp Thủy lợi thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo đúng chế độ quy định hiện hành.

9. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung giữ nguyên theo tập Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 6147/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội:

- Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật được phê duyệt, tổ chức xây dựng đơn giá duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp,

dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, gửi Sở Tài chính chủ trì thẩm định để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát điều chỉnh, bổ sung tổng thể định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, hoàn thành trong năm 2016 để làm cơ sở xây dựng đơn giá tưới, tiêu cho năm 2016 và các năm tiếp theo.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thẩm định đơn giá duy trì, vận hành hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

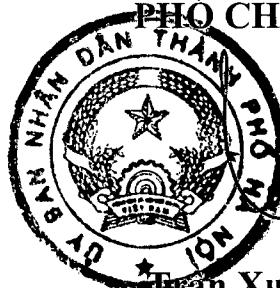
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan; Chủ tịch, Tổng Giám đốc các Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thuỷ lợi: Hà Nội, Sông Nhuệ, Sông Đáy, Mê Linh; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuỷ lợi Sông Tích và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch UBND Thành phố
(để báo cáo);
- Các Phó chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUB: PCVP N.N.Sơn, TH, NNNT, KT;
- Chi cục Thuỷ lợi Hà Nội;
- Lưu: VP, NN Huy (2b).

38909(50)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Muar*
KT. CHỦ TỊCH *S*
PHÓ CHỦ TỊCH *C*



Trần Xuân Việt